

Họ, tên thí sinh:.....

Mã đề thi 202

Số báo danh:.....

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Nam?

- A. Nam Trung Bộ. B. Trung và Nam Bắc Bộ. C. Tây Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 42: Vùng núi Tây Bắc nằm giữa hai hệ thống sông lớn là:

- A. Sông Hồng và sông Cả. B. Sông Hồng và sông Mã.
C. Sông Đà và sông Lô. D. Sông Cả và sông Mã.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khai thác apatit có ở tỉnh nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Sơn La. B. Lai Châu. C. Lào Cai. D. Phú Thọ.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết bông được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Thuận. B. Bình Định. C. Phú Yên. D. Ninh Thuận.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng kinh tế Đồng bằng sông Hồng?

- A. Thanh Hóa. B. Thái Nguyên. C. Nam Định. D. Hạ Long.

Câu 46: Nhóm đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta ?

- A. Đất mùn trên núi B. Đất Feralit. C. Đất phù sa. D. Feralit có mùn.

Câu 47: Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo chiều:

- A. Đông – Tây và Đông Bắc- Tây Nam và theo độ cao.
B. Bắc – Nam, Đông – Tây và Đông Bắc - Tây Nam.
C. Bắc – Nam, Đông – Tây và theo độ cao.
D. Bắc – Nam, Đông Bắc- Tây Nam và theo độ cao.

Câu 48: Đông Nam Á biển đảo có dạng địa hình chủ yếu nào?

- A. Đồng bằng châu thổ rộng lớn. B. Núi và cao nguyên.
C. Đồi núi và núi lửa. D. Thung lũng nông, rộng.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 20, cho biết trong các tỉnh sau đây, tỉnh nào có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh lớn nhất?

- A. Đắk Lắk. B. Lâm Đồng. C. Gia Lai. D. Bình Phước.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành đóng tàu?

- A. Sóc Trăng. B. Thủ Dầu Một. C. Mỹ Tho. D. Vũng Tàu.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Pu Sam Sao. B. Pu Đen Đinh. C. Hoàng Liên Sơn. D. Con Voi.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An. B. Thanh Hóa. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Thái Nguyên. B. Sơn La. C. Thanh Hóa. D. Hạ Long.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?

- A. Hà Giang. B. Quảng Trị. C. Lâm Đồng. D. Gia Lai.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 6 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

- A. Mộc Châu. B. Thái Nguyên. C. Việt Trì. D. Phủ Lý.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?

- A. Sông Thái Bình. B. Sông Thu Bồn. C. Sông Ba. D. Sông Cả.

Câu 57: Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là

- A. Phát triển lâm nghiệp. B. Phát triển thủy điện.
C. Phát triển chăn nuôi. D. Phát triển kinh tế biển.

Câu 58: Trên biển Việt Nam tiếp giáp với:

- A. 7 Quốc gia. B. 6 Quốc gia. C. 9 Quốc gia. D. 8 Quốc gia.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có số lượng bò lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Kon Tum. C. Quảng Bình. D. Hà Tĩnh.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

- A. Hoa Lư. B. An Giang. C. Đồng Tháp. D. Hà Tiên.

Câu 61: Vùng có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển của nước ta là vùng:

- A. đặc quyền kinh tế. B. thềm lục địa. C. tiếp giáp lãnh hải. D. lãnh hải.

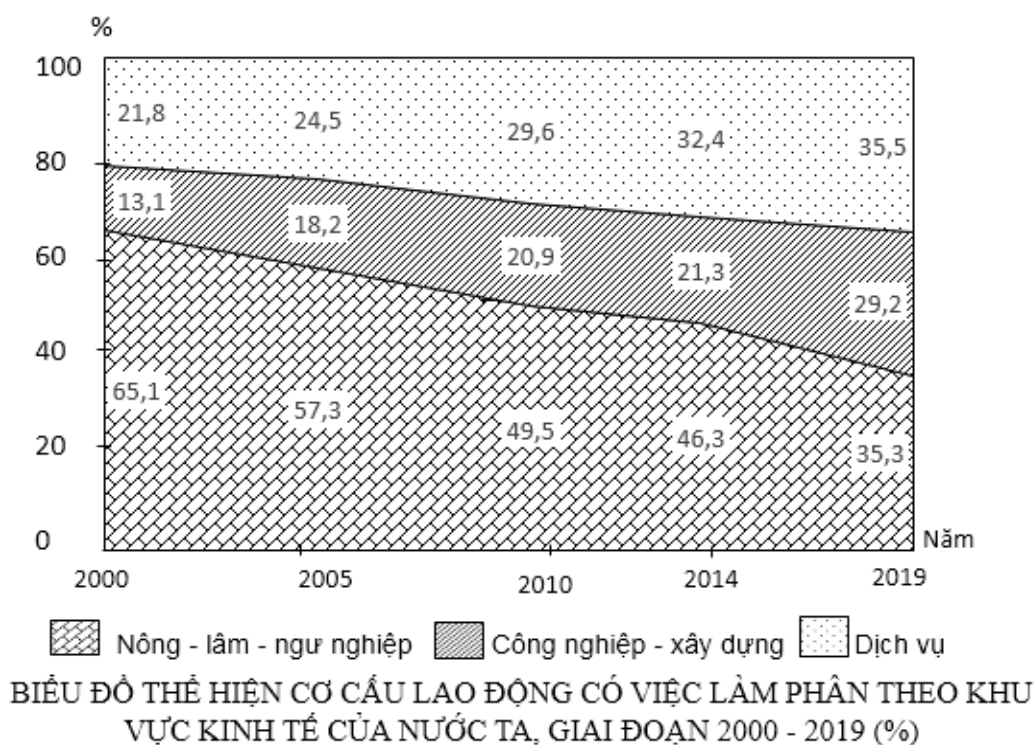
Câu 62: Địa hình bán bình nguyên ở nước ta thể hiện rõ nhất ở vùng:

- A. Đông Nam Bộ. B. Cực Nam Trung Bộ. C. Miền núi Bắc Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 63: Loại gió thổi thường xuyên liên tục trên lãnh thổ nước ta là

- A. Gió mùa Đông Bắc. B. Gió mùa mùa Tây nam. C. Gió tín phong. D. Gió phơn.

Câu 64: Cho biểu đồ:



(Nguồn: Theo số liệu thống kê Việt Nam 2019)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng với cơ cấu lao động có việc làm phân theo khu vực kinh tế của nước ta, giai đoạn 2000 – 2019?

- A. Khu vực dịch vụ luôn luôn có tỷ trọng cao thứ 2 sau nông – lâm – ngư.
B. Khu vực nông - lâm - ngư nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao nhất.
C. Tỷ trọng khu vực dịch vụ tăng nhưng không liên tục qua các năm.
D. Tỷ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng tăng liên tục qua các năm.

Câu 65: Nước ta có nguồn khoáng sản phong phú và đa dạng là do vị trí địa lí:

- A. nằm tiếp giáp với một vùng biển Đông rộng lớn.
- B. nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loài sinh vật.
- C. nằm trong vùng nội chí tuyến và khu vực gió mùa.
- D. nằm liền kề vành đai sinh khoáng lớn trên thế giới.

Câu 66: Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về lí do các nước ASEAN nhấn mạnh đến sự ổn định trong mục tiêu của mình?

- A. Vì mỗi nước trong khu vực ở mức độ khác nhau và đều chịu ảnh hưởng.
- B. Vì khu vực đông dân, có nhiều thành phần dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ.
- C. Vì giữa các nước còn có sự tranh chấp phức tạp về biên giới, vùng biển đảo.
- D. Vì giữ ổn định khu vực sẽ không tạo lí do để các cường quốc can thiệp.

Câu 67: Loại khoáng sản có tiềm năng vô tận ở Biển Đông nước ta là:

- A. Muối biển.
- B. Cát trắng.
- C. Titan.
- D. Dầu khí.

Câu 68: Thời gian hoạt động của gió mùa mùa hạ là từ :

- A. tháng 11 đến tháng 4.
- B. tháng 4 đến tháng 11.
- C. tháng 5 đến tháng 10.
- D. tháng 10 đến tháng 5.

Câu 69: Các nhân tố nào sau đây là chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Bắc Bộ nước ta?

- A. Gió mùa Đông Bắc, bão, áp thấp nhiệt đới.
- B. Gió Tây, tín phong bán cầu Bắc, bão.
- C. Gió Đông Nam, dải hội tụ nhiệt đới, bão.
- D. Gió đông bắc, dải hội tụ nhiệt đới, bão.

Câu 70: Ở vùng lãnh thổ phía Bắc, thành phần loài chiếm ưu thế là:

- A. Ôn đới.
- B. Nhiệt đới.
- C. Xích đạo.
- D. Cận nhiệt.

Câu 71: Khu vực có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển của nước ta là :

- A. Vịnh Bắc Bộ.
- B. Vịnh Thái Lan.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Nam Trung Bộ.

Câu 72: Dạng địa hình phổ biến vùng trong đê ở đồng bằng sông Hồng là:

- A. Các vũng vịnh đầm phá.
- B. Các bậc ruộng cao bạc màu.
- C. Các bãi bồi được bồi đắp phù sa.
- D. Các ô trũng ngập nước.

Câu 73: Đai cao ôn đới gió mùa trên núi chỉ xuất hiện ở vùng núi Tây Bắc nước ta chủ yếu do

- A. tác động của gió Tín phong, vị trí xa xích đạo.
- B. tác động của gió Đông bắc, vị trí gần chí tuyến.
- C. tác động của gió mùa Đông Bắc, độ cao địa hình.
- D. tác động của gió mùa Tây Nam, độ cao địa hình.

Câu 74: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CÁC MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2018

Mùa vụ	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Lúa đông xuân	3.102	20.603
Lúa hè thu	2.785	15.111
Lúa mùa	1.683	8.264

(Nguồn: niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh năng suất lúa các mùa vụ năm 2018?

- A. Lúa hè thu thấp hơn lúa mùa.
- B. Lúa đông xuân cao hơn lúa mùa.
- C. Lúa hè thu cao hơn lúa đông xuân.
- D. Lúa đông xuân thấp hơn lúa mùa.

Câu 75: Đặc điểm nào sau đây thể hiện sông ngòi nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa ?

- A. Phần lớn sông đều ngắn, dốc, dễ bị lũ lụt.
- B. Phần lớn sông chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam.
- C. Sông có lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao.
- D. Lượng nước phân bố không đều giữa các hệ thống sông.

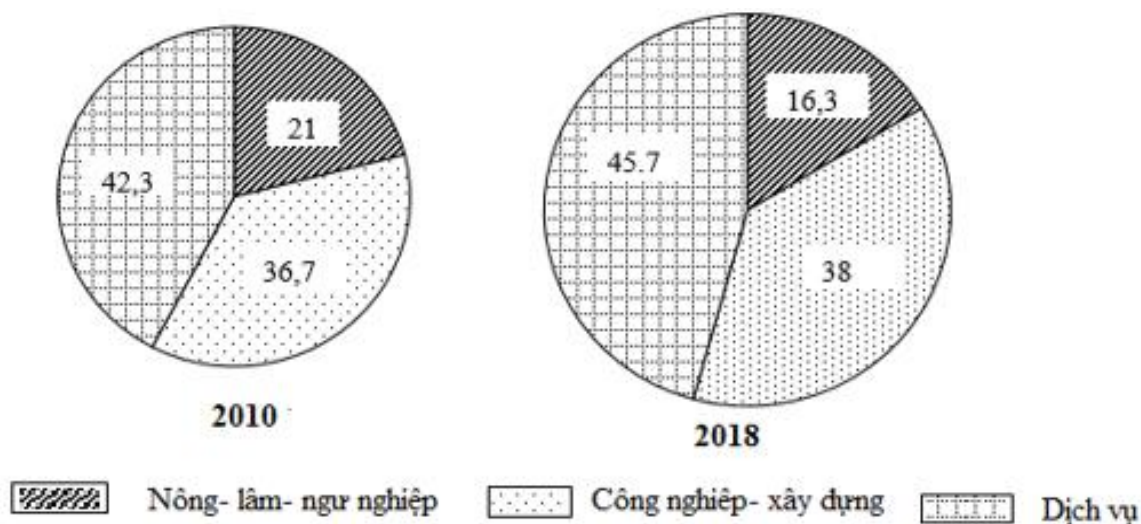
Câu 76: Nguyên nhân chính làm cho các nước Đông Nam Á chưa phát huy được lợi thế của tài nguyên biển để phát triển ngành khai thác hải sản là

- A. Phương tiện khai thác lạc hậu, chậm đổi mới công nghệ.
- B. Thời tiết diễn biến thất thường, nhiều thiên tai đặc biệt là bão.
- C. Chưa chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển.
- D. Môi trường biển bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Câu 77: Đồng bằng sông Cửu Long thường xuyên bị nhiễm mặn vào mùa khô là do:

- A. Sông ngòi nhiều tạo điều kiện dẫn nước biển vào sâu trong đất liền.
- B. Có 3 mặt giáp biển, có gió mạnh nên đưa nước biển vào.
- C. Địa hình thấp, nhiều cửa sông đổ ra biển nên thủy triều dễ lấn sâu vào đất liền.
- D. Có nhiều vùng trũng rộng lớn, như Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên.

Câu 78: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung gì?

- A. Cơ cấu giá trị sản xuất hàng hóa phân theo nhóm ngành.
- B. Tốc độ tăng giá trị sản xuất hàng hóa phân theo nhóm ngành.
- C. Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông – lâm - ngư nghiệp.
- D. Giá trị sản xuất hàng hóa phân theo nhóm ngành.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2015

Năm	2010	2012	2014	2015
Diện tích (Nghìn ha)	7 489,4	7 761,2	7 816,2	7 830,6
Sản lượng (Nghìn tấn)	40 005,6	43 737,8	44 974,6	45 105,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích và sản lượng lúa của nước ta giai đoạn 2010 – 2015, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Đường.
- C. Tròn.
- D. Kết hợp.

Câu 80: Năng suất lao động ở nước ta hiện nay thuộc nhóm thấp nhất thế giới do

- A. trình độ khoa học kỹ thuật và chất lượng lao động thấp.
- B. trình độ công nghiệp hóa - đô thị hóa còn thấp.
- C. phân công lao động xã hội theo ngành còn chậm chuyển biến.
- D. phân bố lao động trong phạm vi cả nước còn bất hợp lý.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.